Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9620.00.40

Mã HS	9620.00.40
Mô tả hàng hóa	Chân đế loại một chân (monopod), hai chân (bipod), ba chân (tripod) và các mặt hàng tương tự / - Bằng nhôm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 12:52:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/96200040/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19004
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19004
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q19004
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18280
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18209
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18209
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18209
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18209
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18209
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18209
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18265
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18265

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18265
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18265
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18265
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18265
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18266
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18266
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18266
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18266
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18266
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18266
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18271
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18228
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18223
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18223
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18223
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18223
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18223
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18223
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18271
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18271
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18271
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18271
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18271
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18271
VCFTA	2022	2022	1	VC!D18335
VCFTA	2023	2023	0	VC!E18335

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18335
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18335
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18335
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18335
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18309
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18309
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18309
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18309
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18309
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18309
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18302
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18302
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18302
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18302
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18302
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18302
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D18332
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18332
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18332
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18332
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18332
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18332
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18331
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18331
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18331
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18331

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18331
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18331
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18425
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18425
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18425
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18425
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18425
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18425
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18425
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18296
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18296
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18296
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18296
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18296
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18296
RCEP B	2022	2022	0	B!D18296
RCEP B	2023	2023	0	B!E18296
RCEP B	2024	2024	0	B!F18296
RCEP B	2025	2025	0	B!G18296
RCEP B	2026	2026	0	B!H18296
RCEP B	2027	2027	0	B!I18296
RCEP C	2022	2022	0	C!D18294
RCEP C	2023	2023	0	C!E18294
RCEP C	2024	2024	0	C!F18294
RCEP C	2025	2025	0	C!G18294
RCEP C	2026	2026	0	C!H18294

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I18294
RCEP D	2022	2022	0	D!D18293
RCEP D	2023	2023	0	D!E18293
RCEP D	2024	2024	0	D!F18293
RCEP D	2025	2025	0	D!G18293
RCEP D	2026	2026	0	D!H18293
RCEP D	2027	2027	0	D!I18293
RCEP E	2022	2022	0	E!D18298
RCEP E	2023	2023	0	E!E18298
RCEP E	2024	2024	0	E!F18298
RCEP E	2025	2025	0	E!G18298
RCEP E	2026	2026	0	E!H18298
RCEP E	2027	2027	0	E!I18298
RCEP F	2022	2022	0	F!D18296
RCEP F	2023	2023	0	F!E18296
RCEP F	2024	2024	0	F!F18296
RCEP F	2025	2025	0	F!G18296
RCEP F	2026	2026	0	F!H18296
RCEP F	2027	2027	0	F!I18296
VIFTA	2024	2024	0	VI!F17146
VIFTA	2025	2025	0	VI!G17146
VIFTA	2026	2026	0	VI!H17146
VIFTA	2027	2027	0	VI!I17146

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9620.00 có 6 dòng thuế; dòng 9620.00.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bằng nhôm.	9620.00.10 Bằng plastic; 9620.00.20 Bằng carbon và graphit; 9620.00.30 Bằng sắt và thép; 9620.00.50 Bằng gỗ; 9620.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9620.00.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9620.00.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N19004), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.